

Số: 2189 /QĐ-CT

Quảng Trị, ngày 09 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Quảng Trị

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 46/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 13/2009/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 5 năm 2009 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao;

Căn cứ Thông tư số 16/2011/TT-BTNMT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội Quy định sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH ngày 03 tháng 11 năm 2011 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam và Nghị định số 46/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế và Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Ban Quản lý Khu Kinh tế, Trung tâm Tin học tỉnh chịu trách nhiệm công bố thủ tục hành chính này bằng các hình thức như: Đăng tải trên Trang thông tin điện tử; đóng thành sổ; giới thiệu trên báo chí; Đài Truyền hình; Đài Phát thanh... để phục vụ nhân dân.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định: Số 1756/QĐ-UBND ngày 31/8/2009, và số 1726/QĐ-UBND ngày 26/8/2009 của UBND tỉnh Quảng Trị.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NC^(N), KSTTHC^(3b).

CHỦ TỊCH 

Nguyễn Đức Cường



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH QUẢNG TRỊ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2189/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

PHẦN I:

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH QUẢNG TRỊ**

STT	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực đầu tư trong nước: 22	
	<i>Thủ tục hành chính mới: 02</i>
1	Tạm ngừng, giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư
2	Thanh lý dự án đầu tư
	<i>Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung: 17</i>
3	Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư- Dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ cấp thuận chủ trương đầu tư
4	Đăng ký đầu tư- Dự án đầu tư trong nước không yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư (Áp dụng đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 15 tỷ đồng Việt Nam đến dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)
5	Đăng ký đầu tư- Dự án đầu tư trong nước có yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc xác nhận ưu đãi đầu tư (Áp dụng đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng Việt Nam không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)
6	Đăng ký đầu tư- Dự án có vốn đầu tư nước ngoài có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện
7	Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư- Dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng Việt Nam trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện
8	Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư- Dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng Việt Nam thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện
9	Thẩm tra Cấp Giấy chứng nhận đầu tư- Dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng Việt Nam trở lên và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện
10	Đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư (Dự án thuộc diện đăng ký điều chỉnh gồm các dự án mà sau khi điều chỉnh về mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn, hình thức, thời hạn, dự án đó thuộc các

	<p>trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án có vốn đầu tư nước ngoài sau khi điều chỉnh có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện; - Dự án đầu tư trong nước mà sau khi điều chỉnh, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, trừ các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Các dự án đầu tư trong nước sau khi điều chỉnh có quy mô vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện; + Các dự án đầu tư trong nước mà sau khi điều chỉnh, dự án có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và không thay đổi mục tiêu, địa điểm đầu tư.)
11	Đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy chứng nhận đầu tư
12	<p>Thẩm tra điều chỉnh dự án đầu tư (Dự án đầu tư thuộc diện thẩm tra điều chỉnh gồm các dự án mà sau khi điều chỉnh về mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn, hình thức, thời hạn, dự án đó thuộc các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án có vốn đầu tư nước ngoài sau khi điều chỉnh thuộc diện thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư; - Dự án đầu tư trong nước mà sau khi điều chỉnh, dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.)
13	Thẩm tra điều chỉnh dự án đầu tư đối với dự án sau khi điều chỉnh thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ
14	Điều chỉnh dự án đầu tư trường hợp nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam
15	Cấp Giấy chứng nhận đầu tư trường hợp nhà đầu tư nước ngoài sáp nhập, mua lại doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam
16	Chuyển đổi hình thức đầu tư của dự án có vốn đầu tư nước ngoài
17	Chuyển đổi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp Giấy phép đầu tư trước ngày 01 tháng 7 năm 2006
18	Điều chỉnh Giấy phép đầu tư đối với doanh nghiệp không đăng ký lại, hợp đồng hợp tác kinh doanh không đổi Giấy chứng nhận đầu tư của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp Giấy phép đầu tư trước ngày 01 tháng 7 năm 2006
19	Chuyển nhượng dự án đầu tư
	<i>Thủ tục hành chính bãi bỏ: 03</i>
20	Cấp Giấy chứng nhận đầu tư- Dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ chấp

	thuận chủ trương đầu tư
21	Cấp Giấy chứng nhận đầu tư- Dự án trong nước không phải đăng ký đầu tư
22	Cấp Giấy chứng nhận đầu tư- Dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn đầu tư từ 15 tỷ đồng Việt Nam đến dưới 300 tỷ đồng Việt Nam không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện
II. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước và xuất khẩu, nhập khẩu: 10	
	<i>Thủ tục hành chính mới: 02</i>
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai => mới
2	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu => mới
	<i>Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung: 04</i>
3	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa Mẫu D
4	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa Mẫu S
5	Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) rượu
6	Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá
	<i>Thủ tục hành chính bãi bỏ: 04</i>
7	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí đốt hóa lỏng
8	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu
9	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu
10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu
III. Lĩnh vực Quản lý hoạt động thương mại của các tổ chức và cá nhân Việt Nam ở nước ngoài và của nước ngoài tại Việt Nam: 15	
	<i>Thủ tục hành chính mới: 04</i>
1	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài
2	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài
3	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài
4	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài
	<i>Thủ tục hành chính bãi bỏ: 11</i>

5	Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh của thương nhân nước ngoài
6	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập chi nhánh của thương nhân nước ngoài
7	Cấp lại Giấy phép thành lập chi nhánh của thương nhân nước ngoài trong trường hợp thay đổi tên gọi hoặc thay đổi nơi đăng ký thành lập của thương nhân từ một nước sang một nước khác, hoặc trong trường hợp thay đổi hoạt động của thương nhân nước ngoài
8	Cấp lại Giấy phép thành lập chi nhánh của thương nhân nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập chi nhánh bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy
9	Gia hạn Giấy phép thành lập chi nhánh của thương nhân nước ngoài
10	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài
11	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài
12	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài trong trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đến Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo
13	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài trong trường hợp thay đổi tên gọi hoặc thay đổi nơi đăng ký thành lập của thương nhân từ một nước sang một nước khác, hoặc trong trường hợp thay đổi hoạt động của thương nhân nước ngoài
14	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập chi nhánh bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy
15	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài

IV. Lĩnh vực Việc làm: 07

	<i>Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung: 03</i>
1	Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài
2	Gia hạn Giấy phép lao động cho người nước ngoài
3	Cấp lại Giấy phép lao động cho người nước ngoài
	<i>Thủ tục hành chính bãi bỏ: 04</i>
4	Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài được tuyển dụng theo hình thức hợp đồng lao động

5	Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc theo hình thức di chuyển nội bộ doanh nghiệp
6	Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc để thực hiện các loại hợp đồng về kinh tế, thương mại, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao, giáo dục, y tế và nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng
7	Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài đại diện cho tổ chức phi chính phủ nước ngoài
V. Lĩnh vực Lao động: 05	
	<i>Thủ tục hành chính mới: 03</i>
1	Đăng ký hệ thống thang lương, bảng lương
2	Cấp Sổ Lao động cho người lao động Việt Nam
3	Đăng ký kế hoạch đưa người lao động đi thực tập ở nước ngoài dưới 90 ngày cho doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
	<i>Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung: 02</i>
4	Đăng ký Nội quy lao động
5	Đăng ký thỏa ước lao động tập thể
VI. Lĩnh vực mỹ phẩm: 01	
	<i>Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung: 01</i>
1	Cấp số tiếp nhận Phiếu Công bố sản phẩm mỹ phẩm
VII. Lĩnh vực xây dựng: 07	
	<i>Thủ tục hành chính mới: 01</i>
1	Thỏa thuận thiết kế tổng mặt bằng và đấu nối hạ tầng kỹ thuật
	<i>Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung: 06</i>
2	Cấp phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ đô thị
3	Điều chỉnh giấy phép xây dựng
4	Gia hạn giấy phép xây dựng
5	Cấp phép xây dựng tạm có thời hạn
6	Cấp phép cải tạo, sửa chữa nhà ở, công trình xây dựng
7	Tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở
VIII. Lĩnh vực đất đai: 09	
	<i>Thủ tục hành chính mới: 01</i>

1	Xác nhận hợp đồng, văn bản về bất động sản trong khu công nghiệp, khu kinh tế
	<i>Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung: 08</i>
2	Giao đất trong Khu Kinh tế- Thương mại đặc biệt Lao Bảo đối với tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có thu tiền sử dụng đất
3	Giao đất trong Khu Kinh tế- Thương mại đặc biệt Lao Bảo đối với tổ chức không thu tiền sử dụng đất
4	Giao đất trong Khu Kinh tế- Thương mại đặc biệt Lao Bảo đối với hộ gia đình, cá nhân trúng đấu giá quyền sử dụng đất
5	Giao đất trong Khu Kinh tế- Thương mại đặc biệt Lao Bảo đối với hộ gia đình tái định cư
6	Thuê đất trong Khu Kinh tế- Thương mại đặc biệt Lao Bảo đối với tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài nộp tiền thuê đất hàng năm
7	Thuê đất trong Khu Kinh tế- Thương mại đặc biệt Lao Bảo đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài nộp tiền thuê đất một lần
8	Chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất trong Khu Kinh tế- Thương mại đặc biệt Lao Bảo
9	Giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong các khu công nghiệp

Tổng cộng: 76 TT